CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

FireAnt

CTCP Kiên Hùng

Ngày 30/06/2025	28,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	24.2%	**136.8**	**169.6**

DT thuần
Q2/25
186
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.00| 0.8%
YoY: ▲ 8.00| 4.2%

LN thuần
Q2/25
14.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.70| -39.6%
YoY: ▲ 6.98| 87.5%

LN sau thuế
Q2/25
11.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.80| -46.7%
YoY: ▲ 8.10| 252%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
7.6%
YoY: +/-▼ 4.9%

ROE (TTM)
Q2/25
22.2%
YoY: +/-▲ 3.6%

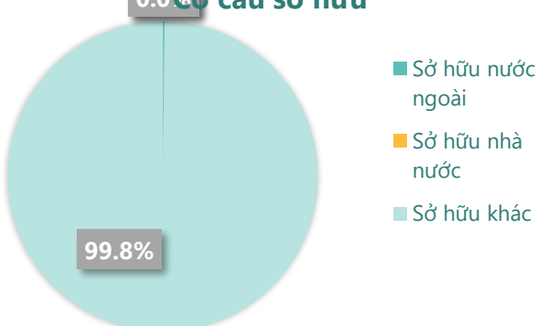
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,724 - 28,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	398
Số lượng CPLH (CP)	13,904,571
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,150
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.85
EPS	3,591
P/E	8.0

DT thuần
6T 2025
370
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 54.0| 16.9%

LN thuần
6T 2025
39.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.6| 149%

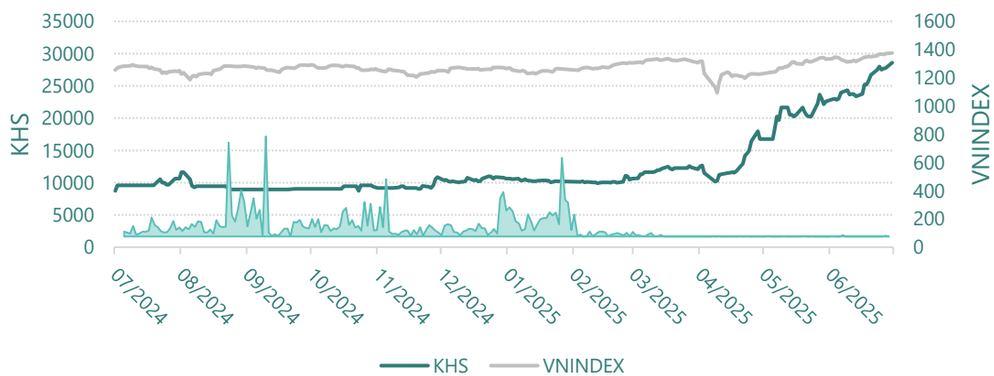
LN sau thuế
6T 2025
32.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.0| 342%

Cơ cấu sở hữu

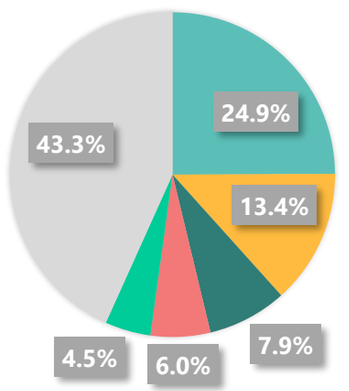


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



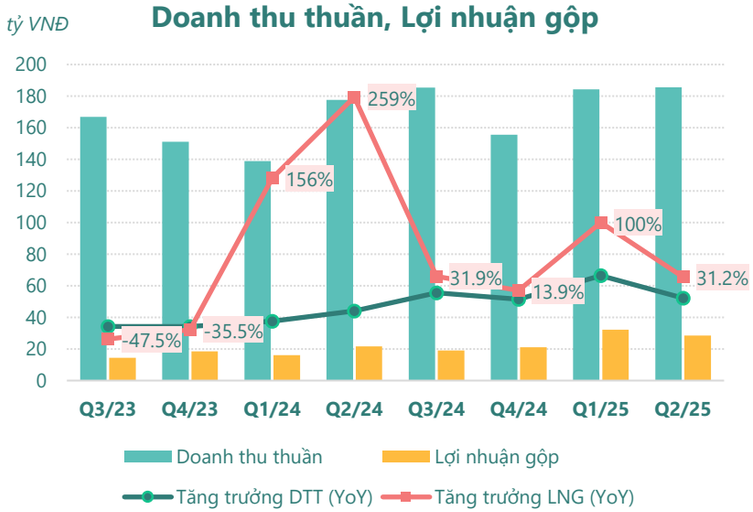
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

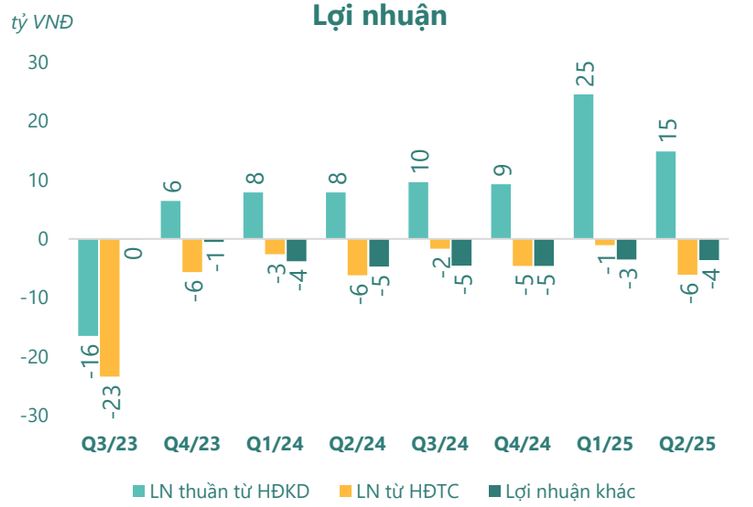
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



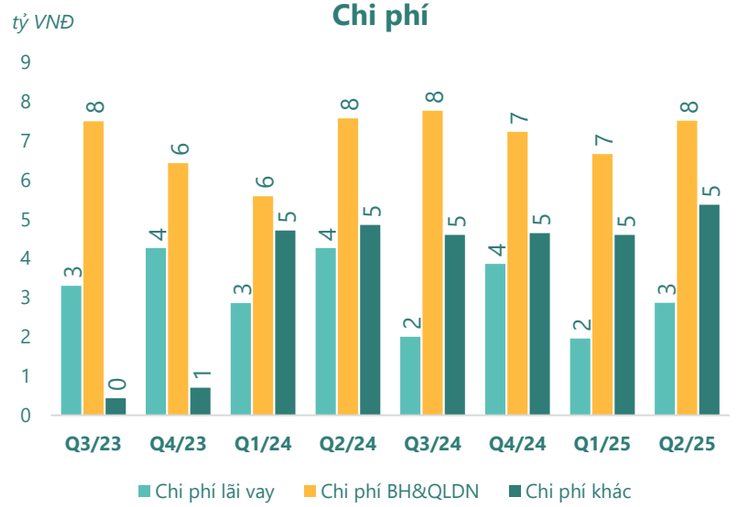
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



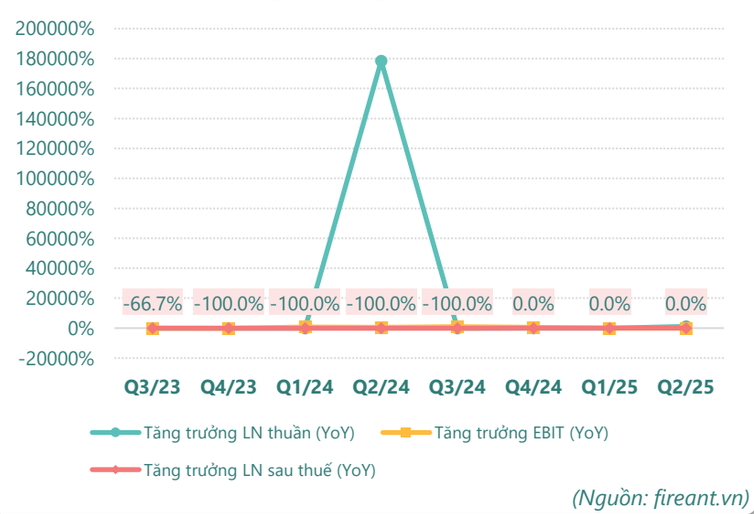
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



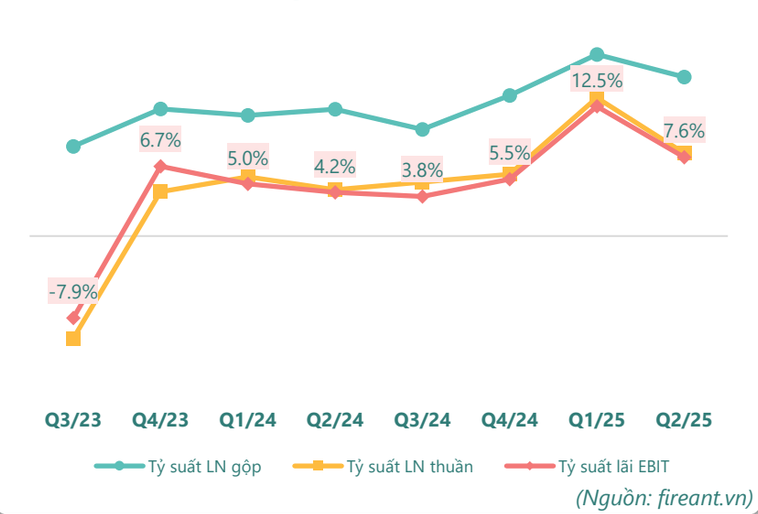
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



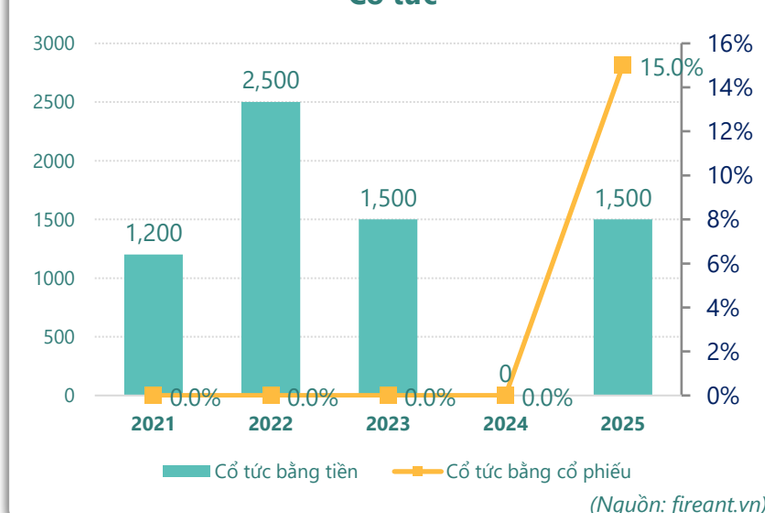
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

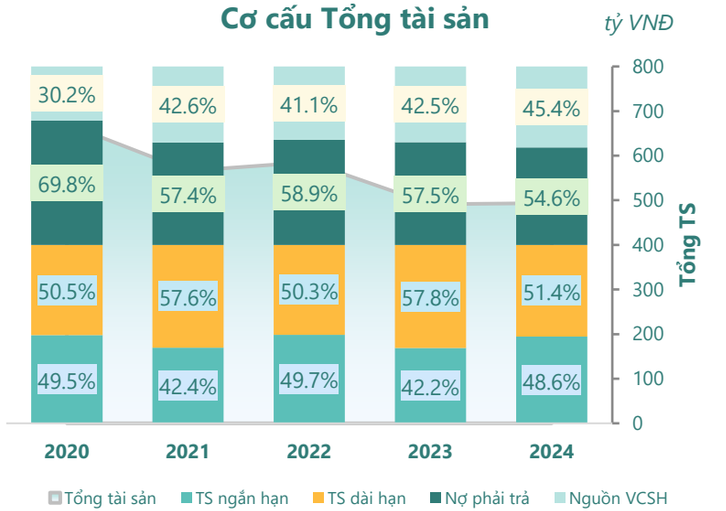
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

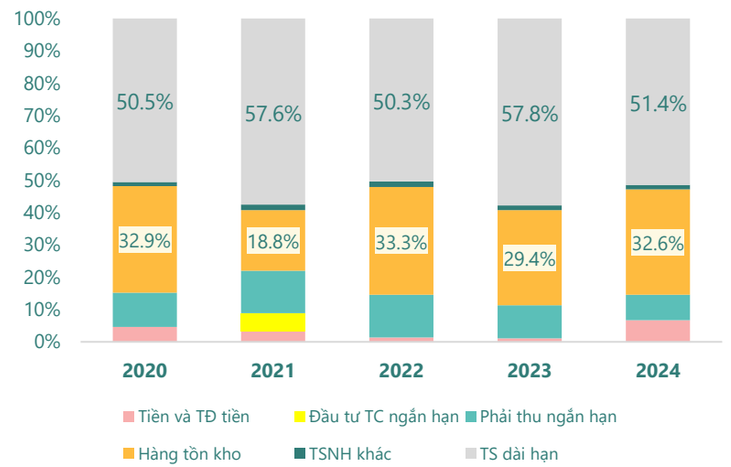
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



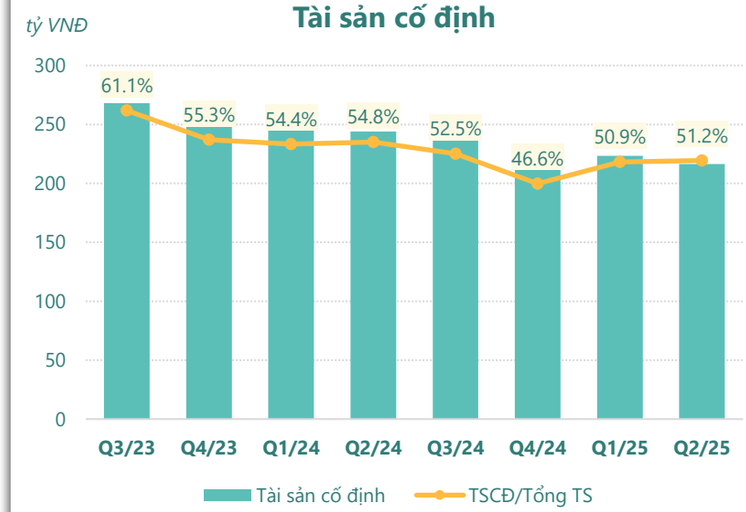
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



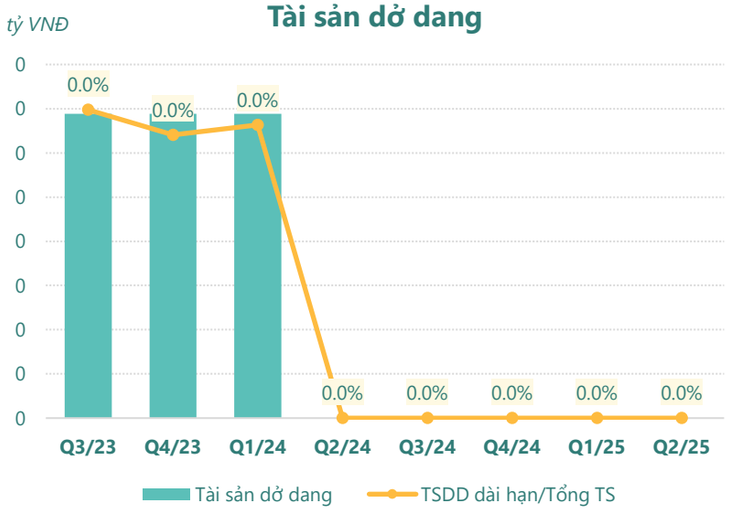
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



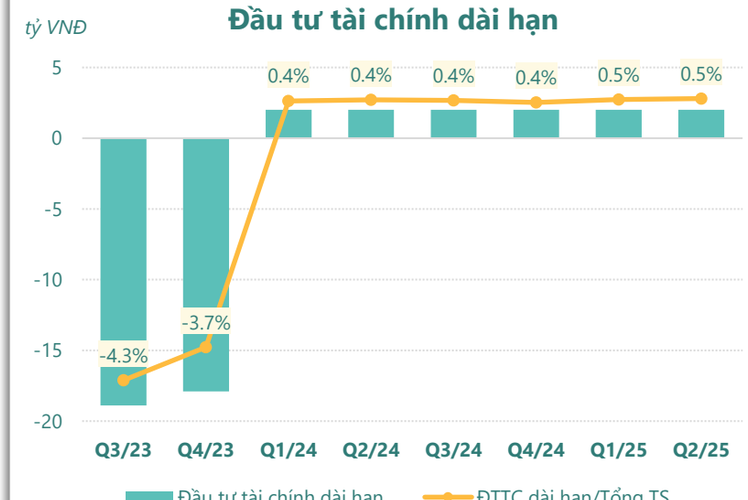
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



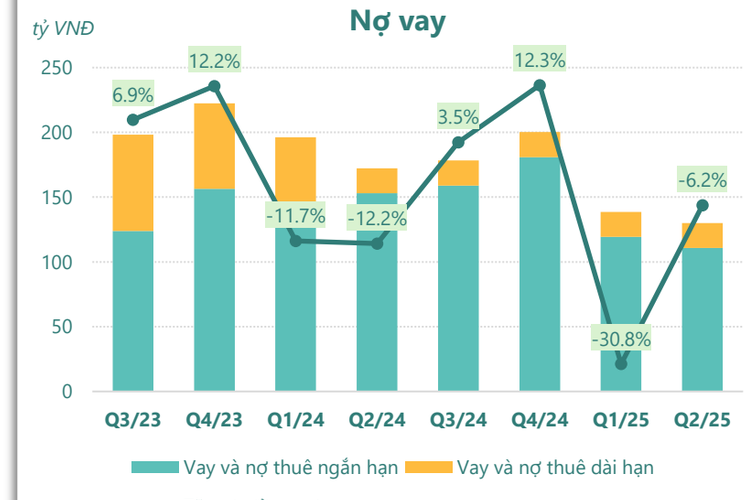
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

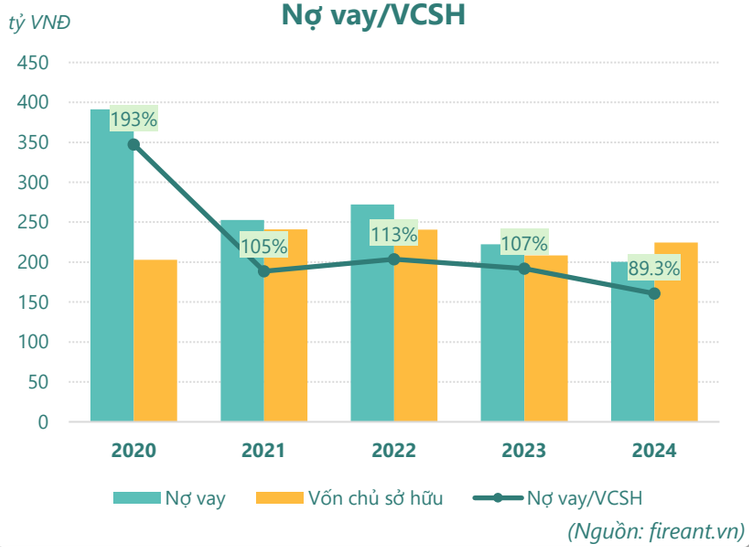
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



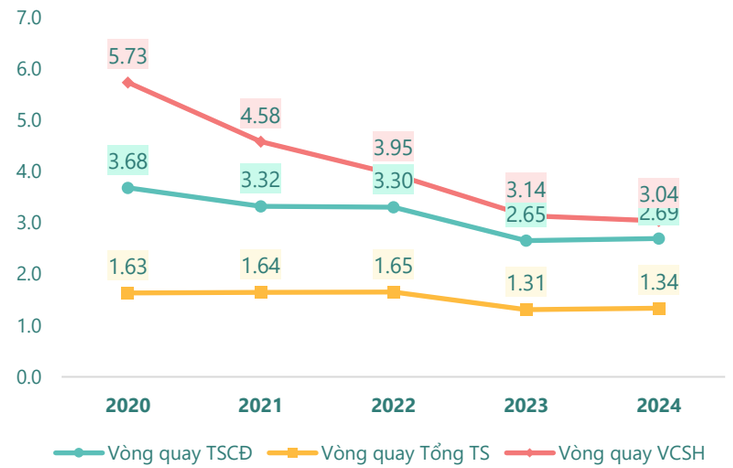
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



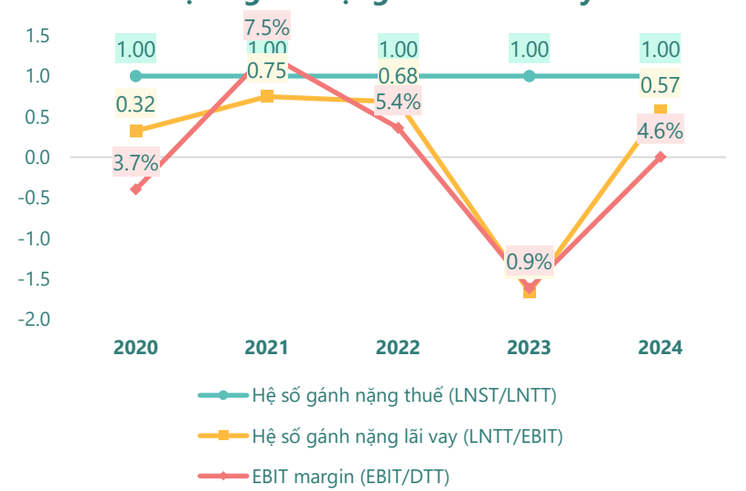
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



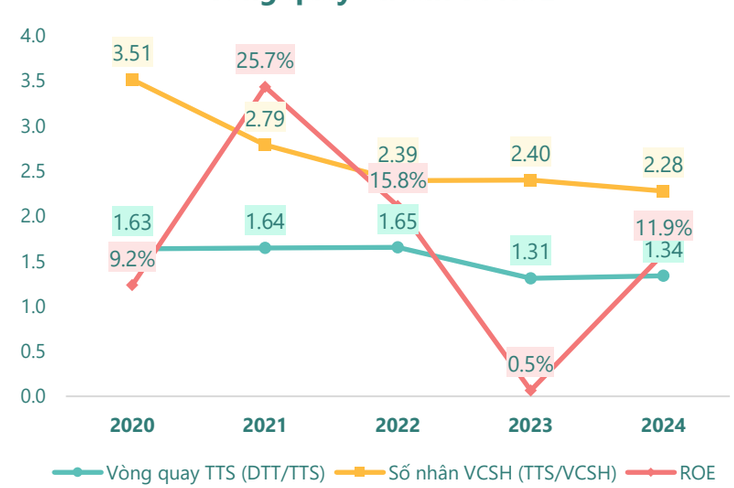
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



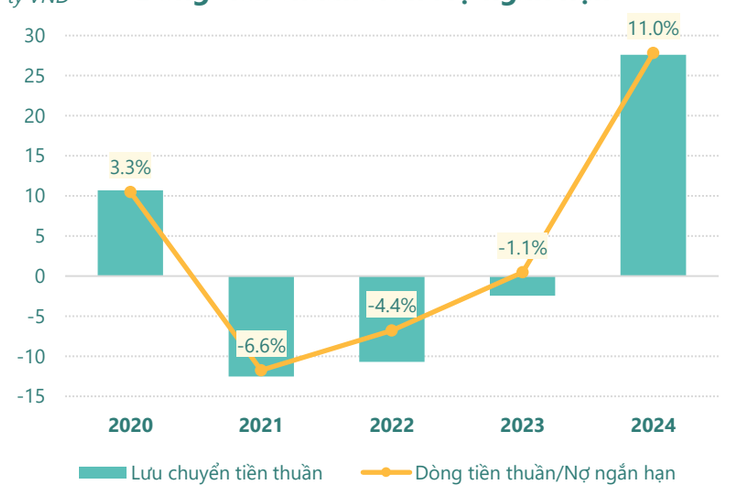
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**186**	**178**	**4.2%**	**370**	**316**	**16.9%**
Giá vốn hàng bán	157	156	0.7%	309	279	10.9%
Lợi nhuận gộp	28.5	21.7	31.2%	60.8	37.8	60.6%
Doanh thu HĐTC	0.07	0.38	-80.8%	0.99	0.72	37.3%
Chi phí TC	6.18	6.59	-6.2%	8.15	9.56	-14.8%
Chi phí lãi vay	2.87	4.27	-32.7%	4.83	7.12	-32.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.18	3.65	-12.8%	5.77	5.52	4.5%
Chi phí QLDN	**4.34**	**3.93**	**10.3%**	**8.41**	**7.65**	**10.0%**
LN thuần từ HĐKD	14.9	7.92	87.5%	39.4	15.8	149%
Lợi nhuận khác	**-3.60**	**-4.72**	**23.7%**	**-7.10**	**-8.52**	**16.7%**
LN trước thuế	11.3	3.20	252%	32.3	7.32	342%
Lợi nhuận sau thuế	**11.3**	**3.20**	**252%**	**32.3**	**7.32**	**342%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.4**	**6.00**	**123%**	**36.0**	**11.8**	**206%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.1	27.4	8.83	-9.45	53.0	14.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.18	0.18	0.17	-0.03	0.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.1	-25.9	6.00	21.2	-61.6	-28.0
Tiền đầu kỳ	5.41	4.39	6.05	21.1	33.0	24.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.02**	**1.65**	**15.0**	**11.9**	**-8.64**	**-13.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.39	6.05	21.1	33.0	24.4	11.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**423**	**494**	**-14.4%**
Tài sản ngắn hạn	183	240	-23.8%
Tiền và tương đương tiền	11.0	33.0	-66.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	47.5	38.8	22.5%
Hàng tồn kho	117	161	-27.4%
Tài sản ngắn hạn khác	7.53	7.09	6.2%
Tài sản dài hạn	**240**	**254**	**-5.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	216	230	-6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**21.6**	**21.9**	**-1.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	188	270	-30.4%
Nợ ngắn hạn	**168**	**250**	**-32.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	111	181	-38.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	32.5	37.2	-12.7%
Nợ dài hạn	19.3	19.3	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.3	19.3	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**235**	**224**	**4.9%**
Vốn chủ sở hữu	**235**	**224**	**4.9%**
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)